

Số: 004108 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 02922.18



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP.HCM.
Tên mẫu : CREAMER ĐẶC CÓ ĐƯỜNG - NGÔI SAO PHƯƠNG NAM (XANH LÁ) (V-SĐCĐ-2)
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 02 hộp x 380 g
Ngày nhận mẫu : 12/02/2018
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS (a)	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/kg	23/02/2018
2	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS (a)	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/kg	23/02/2018
3	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.04/TT.AAS - Modify AOAC 971.21:2012 (b)	Không phát hiện MLOD = 0,020 mg/kg	23/02/2018
4	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS (a)	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/kg	23/02/2018
5	Antimon (Sb)	HD.PP.05/TT.AAS-Ref. AOAC 964.16 - 2012	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/kg	23/02/2018
6	Thiếc (Sn)	HD.PP.07/TT.AAS-Ref. AOAC 980.19 - 2012	0,61 mg/kg	23/02/2018
7	Melamine	TCVN 9048:2012 (ISO/TS 15495:2010) (a)	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	27/02/2018
8	Aflatoxin M1	HD.PP.03-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	26/02/2018
9	Enterobacteriaceae	TCVN 5518-2:2007 [ISO 21528-2:2004 (E)] (b)	< 10 CFU /g	22/02/2018
10	Listeria monocytogenes	TCVN 7700-2:2007 [ISO 11290-2:1998 with Amendment 1:2004]	< 10 CFU /g	22/02/2018

Mã số mẫu: 02922.18

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Bộ Y tế, Bộ Công thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- < 10 CFU /g : được xem như không phát hiện.

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM**



Ths. Nguyễn Đức Thịnh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2018

VIỆN TRƯỞNG

PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Ths.Bs Phạm Kim Anh



Số: 004213 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 02923.18

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP.HCM.
Tên mẫu : CREAMER ĐẶC CÓ ĐƯỜNG - NGÔI SAO PHƯƠNG NAM (XANH LÁ) (V-SĐCĐ-2)
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 02 hộp x 380 g
Ngày nhận mẫu : 12/02/2018
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Cyfluthrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,03 mg/kg	24/02/2018
2	Cyhalothrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 20 µg/kg	24/02/2018
3	Deltamethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	24/02/2018
4	Albendazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	24/02/2018
5	Amoxicillin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 3,0 µg/kg	26/02/2018
6	Clenbuterol	HD.PP.43-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,014 µg/kg	09/03/2018
7	Colistin	HD.PP.30/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	25/02/2018
8	Cypermethrin và alpha-cypermethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	24/02/2018
9	Monensin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 1,5 µg/kg	24/02/2018
10	Dexamethasone	HD.PP.08-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	26/02/2018
11	Tylosin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 15,0 µg/kg	26/02/2018
12	Benzylpenicillin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 1,0 µg/kg	26/02/2018

Mã số mẫu: 02923.18

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
13	Procain benzylpenicilin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 1,0 µg/kg	26/02/2018
14	Clortetracyclin	Ref. AOAC 995.09	Không phát hiện MLOD = 1,5 µg/kg	23/02/2018
15	Oxytetracyclin	Ref. AOAC 995.09	Không phát hiện MLOD = 1,5 µg/kg	23/02/2018
16	Tetracyclin	Ref. AOAC 995.09	Không phát hiện MLOD = 1,5 µg/kg	23/02/2018
17	Dihydrostreptomycin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	22/02/2018
18	Streptomycin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	22/02/2018
19	Gentamicin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	22/02/2018
20	Spiramycin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 5,0 µg/kg	26/02/2018
21	Ceftiofur	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 30,0 µg/kg	26/02/2018
22	Lincomycin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 30,0 µg/kg	26/02/2018
23	Neomycin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 150 µg/kg	22/02/2018
24	Pirlimycin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 30,0 µg/kg	26/02/2018
25	Spectinomycin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	22/02/2018
26	Sulfadimidin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 3,0 µg/kg	26/02/2018
27	Diminazen	Ref. J.AOAC, Vol 86, (2003)	Không phát hiện MLOD = 30,0 µg/kg	26/02/2018
28	Doramectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3,0 µg/kg	26/02/2018
29	Eprinomectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3,0 µg/kg	26/02/2018
30	Febantel	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	24/02/2018
31	Fenbendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	24/02/2018
32	Oxfendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	24/02/2018
33	Imidocarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	24/02/2018
34	Isometamidium	Ref. J.Chroma.B, 879 (2011)	Không phát hiện MLOD = 30,0 µg/kg	26/02/2018
35	Ivermectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3,0 µg/kg	26/02/2018
36	Thiabendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	24/02/2018
37	Trichlorfon (Metrifonat)	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	24/02/2018

Mã số mẫu: 02923.18

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2018

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM



Ths. Nguyễn Đức Thịnh



VIỆN TRƯỞNG



PGS.TS.BS Đặng Văn Chính



Số: 004109 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 02924.18

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP.HCM.
Tên mẫu : CREAMER ĐẶC CÓ ĐƯỜNG - NGÔI SAO PHƯƠNG NAM (XANH LÁ) (V-SĐCĐ-2)
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 02 hộp x 380 g
Ngày nhận mẫu : 12/02/2018
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Endosulfan	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	24/02/2018
2	Chlorpyrifos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	24/02/2018
3	Dimethoate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	24/02/2018
4	Disulfoton	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	24/02/2018
5	Ethephon	Ref. EURL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	22/02/2018
6	Fipronil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	24/02/2018
7	Lindan	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	24/02/2018
8	Aldrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	24/02/2018
9	Dieldrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	24/02/2018
10	Chlordane	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,001 mg/kg	24/02/2018
11	DDT	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	24/02/2018
12	Heptachlor	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	24/02/2018

Mã số mẫu: 02924.18

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
13	Piperonyl butoxide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 20 µg/kg	23/02/2018
14	Abamectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	24/02/2018
15	Chlormequat	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,15 mg/kg	22/02/2018
16	Methamidophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	24/02/2018
17	Penconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	24/02/2018
18	Spinosad	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,5 mg/kg	24/02/2018
19	Tebufozide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	24/02/2018
20	Flumethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	24/02/2018

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2018

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM**



Ths. Nguyễn Đức Thịnh

VIỆN TRƯỞNG



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Ths.Bs Phạm Kim Anh

Số: **004704** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 03898.18

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP.HCM.
Tên mẫu : CREAM ĐẶC CÓ ĐƯỜNG NGÔI SAO PHƯƠNG NAM(XANH LÁ)
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-SĐCĐ-13
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 04 hộp x 380 g
Ngày nhận mẫu : 12/03/2018
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Cyfluthrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,03 mg/kg	15/03/2018
2	Cypermethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
3	Deltamethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	15/03/2018
4	Bifenthrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
5	Chlorpyrifos-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
6	Diclorvos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	15/03/2018
7	Methidathion	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0005 mg/kg	15/03/2018
8	Diazinon	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	15/03/2018
9	Diphenylamin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/kg	15/03/2018
10	Fenpropathrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	15/03/2018
11	Fenvalerate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	15/03/2018

Mã số mẫu: 03898.18

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
12	Permethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	15/03/2018
13	Phorate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
14	Propargite	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	15/03/2018
15	Acephate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	15/03/2018
16	Aldicarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
17	Aminopyralid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	15/03/2018
18	Amitraz	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
19	2,4-D	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	16/03/2018
20	Bentazone	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	15/03/2018
21	Bifenazate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
22	Bitertanol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
23	Carbaryl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
24	Carbendazim	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
25	Carbofuran	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
26	Carbosulfan	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	15/03/2018
27	Chlorpropham	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0004 mg/kg	15/03/2018
28	Clethodim	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
29	Clofentezine	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
30	Cyhexatin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
31	Cyprodinil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/kg	15/03/2018
32	Cyromazin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
33	Difenoconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	15/03/2018
34	Dimethenamid-p	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
35	Dimethipin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
36	Dimethomorph	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
37	Diquat	Ref. EURL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	18/03/2018



Mã số mẫu: 03898.18

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
38	Dithiocarbamate	Ref. CRL, Version 2 (2009)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	13/03/2018
39	Ethoprophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
40	Fenamiphos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	15/03/2018
41	Fenbuconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
42	Fenbutatin oxide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
43	Fenpropimorph	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
44	Fludioxonil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
45	Flutolanil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
46	Glufosinat-ammonium	Ref. EUL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	18/03/2018
47	Imidacloprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	15/03/2018
48	Indoxacarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	15/03/2018
49	Kresoxim-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
50	Methomyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	15/03/2018
51	Methoxyfenozide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
52	Myclobutanil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
53	Novaluron	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,2 mg/kg	15/03/2018
54	Oxamyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	15/03/2018
55	Oxydemeton-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
56	Paraquat	Ref. EURL-SRM, version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,0015 mg/kg	18/03/2018
57	Pirimicarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
58	Pirimiphos-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
59	Prochloraz	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
60	Profenofos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
61	Propamocarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
62	Propiconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
63	Pyraclostrobin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	15/03/2018

Đ/C: 159 Hưng phú, Phường 8, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh

BM.5.10.3

ĐT: (84-8) 39541971 - Fax: (84-8) 38563164 - Email: xetngnhiem-vienytc@iph.org.vn

3/ 4

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
64	Pyrimethanil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
65	Quinoxifen	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
66	Tebuconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
67	Terbufos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
68	Thiacloprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
69	Triadimefon	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
70	Triadimenol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
71	Trifloxystrobin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	15/03/2018
72	Vinclozolin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
73	Dicofol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	15/03/2018
74	Diflubenzuron	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	15/03/2018
75	Famoxadone	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	15/03/2018
76	Fenhexamid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
77	Fenpyroximate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	15/03/2018
78	Flusilazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
79	Methoprene	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	15/03/2018

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2018

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM



Ths. Nguyễn Đức Thịnh



PGS.TS.BS Đặng Văn Chính